

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:55/2023/HNGĐ-ST

Ngày 01-6-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Duy Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Trương Xuân Vũ;

2- Bà Hà Thị Thoan.

Thư ký phiên toà: Bà Lương Thuỳ Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2023/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T 31 tuổi

Địa chỉ: Thôn G- xã Tr- huyện L- tỉnh Y, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn T 35 tuổi

Địa chỉ: Thôn G- xã Tr- huyện L- tỉnh Y, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 13-3-2023 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Đặng Thị T trình bày: Chị và anh Hoàng Văn T về sống chung như vợ chồng từ năm 2008 đến tháng 9 năm 2016 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr- huyện L- tỉnh Y. Quá trình chung sống vợ chồng không được hoà thuận, hạnh phúc do anh T hay rượu chè, cờ bạc, có tài sản gì cũng đem bán... mỗi lần đi đánh bạc về lại xảy ra cãi chửi nhau. Mặc dù gia đình đã khuyên nhủ, thôn bản đã giải quyết nhưng anh T không nghe. Chị đã đưa các con về bên ngoại sinh sống và đi làm ăn, vợ chồng sống ly thân hai năm nay, có lần chị cũng đã quay về nhưng anh T vẫn không thay đổi. Xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị giải

quyết cho ly hôn. Thời gian chung sống vợ chồng có ba con chung là Hoàng Thị Thanh Th sinh ngày 07-10-2011, Hoàng Thị Thu H sinh ngày 18-3-2014 và Hoàng Anh T sinh ngày 21-5-2016; ly hôn chị sẽ nuôi cả ba con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện L- tỉnh Y đã ra văn bản thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Hoàng Văn T vắng mặt nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục pháp luật quy định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ; bị đơn đã được triệu tập nhưng không có mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị T được ly hôn với anh T; giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị T phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa chị Đặng Thị T và anh Hoàng Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; các đương sự có địa chỉ thường trú tại xã Tr- huyện L- tỉnh Y nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù đã được triệu tập, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Hoàng Văn T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; chị Đặng Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt cả bị đơn và nguyên đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Hoàng Văn T kết hôn năm 2016, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Kết quả xác minh tại địa phương

cơ bản phù hợp với lời khai của nguyên đơn cho thấy do nhiều nguyên nhân nên trong những năm qua vợ chồng chị T- anh T không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do quan điểm, tính cách, lối sống không hợp nhau... Hai người cũng đã có thời gian dài sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra văn bản thông báo và triệu tập nhiều lần nhằm hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh Hoàng Văn T từ chối có mặt tham gia các phiên hoà giải đã thể hiện không còn thiện chí tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này nữa; chị Đặng Thị T khẳng định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị giải quyết cho ly hôn. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Đặng Thị T và anh Hoàng Văn T có ba cháu là Hoàng Thị Thanh Th sinh ngày 07-10-2011, Hoàng Thị Thu H sinh ngày 18-3-2014 và Hoàng Anh T sinh ngày 21-5-2016. Quá trình giải quyết vụ án chị T đề nghị được nuôi các con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì “*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”.

Xét hoàn cảnh thực tế cháu H và cháu Th đều là con gái đang độ tuổi phát triển về tâm, sinh lý nên rất cần sự gần gũi, chăm sóc của người mẹ. Trong biên bản lấy lời khai cả ba cháu đều có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh T không có mặt để thể hiện quan điểm về vấn đề nuôi con, do đó cần giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do chị T không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Chị T không yêu cầu nên vấn đề giải quyết không đặt ra.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị T được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; giao cả ba cháu Hoàng Thị Thanh Th sinh ngày 07-10-2011, Hoàng Thị Thu H sinh ngày 18-3-2014 và Hoàng Anh T sinh ngày 21-5-2016 cho chị Đặng Thị T trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Hoàng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, xác nhận chị T đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2021/0003477 ngày 13-3-2023.

4- Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

5- Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- UBND xã Tr;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô